

BÀI CA NGẤT NGƯỠNG

NGUYỄN CÔNG TRỨ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được tâm hồn tự do, khoáng đạt cùng thái độ tự tin, có phần ngạo đời của tác giả.*
- *Thấy được những đặc điểm nổi bật của thơ hát nói thể hiện trong bài thơ.*

TIỂU DẪN



Chân dung Nguyễn Công Trứ tại nhà thờ ở làng Uy Viễn

(Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam – Trần Thiêm)

trong việc củng cố vương triều Nguyễn, từng đưa dân đi khai khẩn các vùng đất hoang ven biển Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình và lập ra một số huyện mới, tổng mới,... Năm bảy mươi tuổi, sau hai lần xin cáo quan, ông được chấp thuận cho về nghỉ tại quê nhà. Ở quê, ông góp phần tu bổ một số chùa chiền, lại cũng thường tổ chức các buổi hát ca trù tại nhà. Trước khi mất ít lâu, nghe tin thực dân Pháp đánh Đà Nẵng, Nguyễn Công Trứ còn dâng sớ xin được tòng quân.

Nguyễn Công Trứ sáng tác rất nhiều, chủ yếu là thơ văn chữ Nôm, gồm có phú, hát nói, thơ Đường luật, hiện còn khoảng một trăm năm mươi bài. Thơ văn Nguyễn Công Trứ cho thấy rõ nhân cách độc đáo của ông – một con người giàu năng lực, có cốt cách tài tử phong lưu, biết sống và dám sống, không ngần ngại khẳng định cá tính của mình.

Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858) tự Tôn Chất, hiệu Ngô Trai, biệt hiệu Hí Văn, người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Thuở nhỏ, Nguyễn Công Trứ rất chăm học. Năm 1803, từng viết *Thái bình thập sách* bàn kế làm cho nước giàu dân mạnh dâng lên vua Gia Long nhân dịp vua đi tuần du ra Bắc qua Nghệ An. Lặn lội trong thi cử suốt thời thanh niên, mãi tới năm bốn mươi hai tuổi mới đỗ đạt. Làm quan dưới triều Nguyễn hai mươi tám năm, trải nhiều lần thăng giáng nhưng Nguyễn Công Trứ luôn giữ được thái độ bình thản và cứng cỏi, sẵn sàng gánh mọi trọng trách cũng như làm chu tất những việc tâm thường được giao. Ông có công lớn

Nguyễn Công Trứ có đóng góp lớn cho sự định hình của thơ hát nói. Trong hàng loạt bài thơ hát nói đạt tới mức cổ điển, mẫu mực mà ông để lại, *Bài ca ngất ngưỡng* thuộc loại xuất sắc nhất. Tác phẩm này được nhà thơ viết trong thời kì cáo quan về hưu, đã ra "ngoài vòng cương toả", có thể xem như một bản tổng kết về cuộc đời đầy thăng trầm và phong phú của ông.

*
* *

1. *Vũ trụ nội mạc phi phận sự*⁽¹⁾,
Ông Hi Văn tài bộ⁽²⁾ *đã vào lồng*⁽³⁾.
Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông⁽⁴⁾,
Gồm thao lược⁽⁵⁾ *đã nên tay ngất ngưỡng*.
5. *Lúc bình Tây*⁽⁶⁾ *cờ đại tướng*,
Có khi về Phủ doãn⁽⁷⁾ *Thừa Thiên*.
Đò môn giải tổ chi niên⁽⁸⁾,
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưỡng⁽⁹⁾.
Kìa núi nọ phau phau mây trắng⁽¹⁰⁾,
10. *Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi*⁽¹¹⁾.
Gót tiên theo đĩnh đỉnh một đôi di⁽¹²⁾,
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng.

-
- (1) *Vũ trụ nội mạc phi phận sự* : Trong vòng trời đất, chẳng có việc gì không phải là việc của mình.
 (2) *Tài bộ* : tài ba, tài trí.
 (3) *Vào lồng* : chấp nhận gánh vác trách nhiệm của kẻ nam nhi. Cũng có thể hiểu *vào lồng* là mắc vào vòng trời buộc của quan trường.
 (4) Câu thơ nhắc đến một số mốc trên đường làm quan của Nguyễn Công Trứ : đỗ Giải nguyên kì thi Hương năm 1819 trường Nghệ An, làm Tham tán đại thần đi dẹp loạn ở Cao Bằng, làm Tổng đốc tỉnh Hải Dương và tỉnh Quảng Yên (thuộc Quảng Ninh ngày nay).
 (5) *Thao lược* : tài dùng binh.
 (6) *Bình Tây* : hoạt động quân sự ở phía tây nam Việt Nam.
 (7) *Phủ doãn* : chức quan đứng đầu tỉnh có kinh đô, ở đây là Thừa Thiên.
 (8) *Đò môn giải tổ chi niên* : Năm tại kinh đô cời dây đeo ấn trả lại chức quan cho triều đình để về quê (*đò môn* : kinh đô ; *giải tổ* : cời dây đeo ấn).
 (9) Sau khi được nhà vua chấp thuận cho nghỉ hưu, Nguyễn Công Trứ cưới một con bò vàng có đeo đạc (nhạc) ngựa rời khỏi kinh đô.
 (10) *Mây trắng* : biểu tượng của cuộc sống ẩn dật thanh cao. Cáo quan về quê, Nguyễn Công Trứ dựng nhà ở chân núi Đại Nại, cạnh chùa Cẩm Sơn thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.
 (11) *Dạng từ bi* : dáng dấp như nhà tu hành, nhà sư.
 (12) Đi chơi chùa nhưng Nguyễn Công Trứ đưa theo các cô hầu.

*Được mắt dương dương người thái thượng⁽¹⁾,
Khen chê phơi phới ngọn đông phong⁽²⁾.*

15. *Khi ca, khi tâu, khi cắc, khi tùng⁽³⁾,
Không Phát, không Tiên, không vương tục.
Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú⁽⁴⁾,
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung⁽⁵⁾,
Trong triều ai ngất ngưỡng như ông !*

(LÊ THUỐC, *Sự nghiệp và thi văn*
của Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ,
Lê Văn Tân xuất bản, 1928)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nêu ấn tượng chung của anh (chị) về con người tác giả thể hiện qua bài thơ.
2. Liệt kê những từ, cụm từ mang tính chất tự xưng của tác giả. Nhận xét về cách tự xưng ấy.
3. Tìm hiểu ý nghĩa của từ *ngất ngưỡng* trong bài thơ (chú ý số lần xuất hiện cùng vị trí mà từ này được đặt vào, đối chiếu nghĩa từ trong từ điển với nghĩa từ toát lên trong tác phẩm).
4. Làm rõ phong cách sống, thái độ sống của tác giả thể hiện trong bài thơ, từ câu 9 đến câu 19. Những thủ pháp nghệ thuật gì đã được vận dụng ở đây ?

(1) Cui khinh mọi chuyện được mất trong cuộc đời (*dương dương* : nhơn nhơn tự đắc), như *người thái thượng* (người của thời rất xưa). Có bản chép là *Được mắt dương dương người tít thượng*, nhắc lại tích ông lão ở gần cửa ải, mắt ngựa không lấy làm buồn, được ngựa không lấy làm vui.

(2) Có thể hiểu : Mặc mọi lời khen chê, ta vẫn cứ vô tư, vẫn phơi phới như *ngọn đông phong* (gió xuân), hoặc : Ta xem mọi lời khen chê như gió thoảng ngoài tai, không cần để ý.

(3) *Cắc, tùng* : âm thanh tiếng dùi gõ vào tang trống và mặt trống trong cuộc hát ca trù. Ở đây dùng với nghĩa khái quát chỉ sinh hoạt hát ca trù nói chung.

(4) Tên những danh tướng Trung Hoa thời xưa có sự nghiệp hiển hách (*Trái* : Trái Tuân, người thời Hán ; *Nhạc* : Nhạc Phi, *Hàn* : Hàn Kì, *Phú* : Phú Bật đều là người thời Tống). *Trái, Nhạc* có bản chép là *Thái Nhạc* ; *Hàn, Phú* có bản chép là *Mai Phúc*.

(5) *Sơ chung* : *sơ* : bắt đầu ; *chung* : kết thúc. *Đạo sơ chung* : đạo lí sống có trước có sau.

5. Theo anh (chị), giữa lối sống *ngát ngào* với tâm niệm "Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung" có gì mâu thuẫn không ?

6. Nêu cảm nhận về ý vị của những khẩu ngữ mà nhà thơ đã đưa vào tác phẩm.

BÀI TẬP NÂNG CAO

Chỉ ra những đặc điểm thể loại của thơ hát nói được thể hiện trong bài thơ. Giữa đặc điểm thể loại này với nội dung tư tưởng, cảm xúc mà Nguyễn Công Trứ muốn bộc lộ có sự hoà điệu như thế nào ?

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Thơ hát nói

Thơ hát nói là một thể thơ riêng của Việt Nam, phát triển mạnh và đạt tới trình độ mẫu mực trong thế kỷ XVIII và XIX với các tác gia kiệt xuất như Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê,... Gọi là *thơ hát nói* vì nó là phần văn bản ngôn từ của *bài hát nói*; mà *hát nói* lại là một trong những điệu thức chủ đạo của lối hát *ca trù* (còn được gọi là hát nhà trò, nhà tơ, ả đào, cô đầu,...) – một loại hình ca nhạc chuyên nghiệp có nguồn gốc cung đình, trong quá trình phát triển đã thu hút được nhiều tinh hoa của vốn ca hát dân gian dân tộc và của ca vũ Chăm. Hát nói có sự kết hợp hài hoà giữa phần ngâm và phần nói (nói như lời nói thường với ít nhiều cách điệu) trên một nền nhạc riêng.

Trong các bài thơ hát nói, ta thường gặp nhiều loại câu thơ như lục bát, ngũ ngôn, thất ngôn, mà đã vậy, hình thức gieo vần cũng biến hoá đa dạng : có vần chân, vần lưng, có vần bằng, vần trắc. Cũng thường thấy có chen vào trong bài những câu đối hay câu thuận chữ Hán. Nhìn chung, số tiếng trong câu không thật cố định, phổ biến là từ bảy đến tám tiếng, có trường hợp nhiều hơn. Riêng số câu trong bài cũng có sự biến đổi theo từng trường hợp sáng tác cụ thể.

Trải qua một quá trình phát triển lâu dài với sự đóng góp của nhiều cây bút lão luyện, thể thơ hát nói dần đi vào ổn định với kết cấu như sau : một bài đủ khổ gồm 11 câu chia làm ba khổ (còn gọi là *trở*), trong đó khổ đầu và khổ giữa có bốn câu, khổ xếp (tức là khổ cuối) có ba câu ; những bài thiếu khổ thường thiếu khổ giữa, còn lại bảy câu ; những bài đôi khổ thường có 15, 19, 23 hoặc 27 câu mà thường đôi ở vị trí giữa khổ đầu và khổ giữa. Câu đầu tiên của bài thơ hát nói phải gieo vần chân, mang thanh trắc. Hai câu tiếp gieo vần chân, thanh bằng ; hai câu tiếp nữa gieo vần chân, thanh trắc ; cứ thế đáp đối luân phiên theo từng cặp một cho đến hết. Đặc biệt, cuối bài thường là câu sáu tiếng, gọi rất nhiều dư âm.

Thơ hát nói hấp dẫn chủ yếu ở giọng điệu chứ không hẳn ở hình ảnh được miêu tả. Nó rất thích hợp với việc bày tỏ những tư tưởng, tình cảm tự do, phóng túng, thoát ra ngoài khuôn khổ. Chính vì thế, những nhà thơ tài hoa, tài tử, xem trọng nhu cầu cá nhân thường rất ưa tìm tới thể thơ này.